TOÀ ÁN N DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-ST
Ngày: 30-8-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;
2. Ông Đào Văn Nô.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hương Diệp – Thư ký Tòa án N dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát N dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2017/TLST-DS ngày 14/3/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A (V); trụ sở: Tầng 1-7, tòa nhà Thủ Đô, số 72, phố HT, phường HT, quận H K, Thành phố N. Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông DVT, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Số 131/3/1, Đường số 6, phường L X, quận T Đ, thành phố H C M (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2017), có mặt

- *Bị đơn:* Ông DHN, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 4, xã V T, thị xã T U, tỉnh B D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông DVT thống nhất trình bày:

Ngày 08/12/2014, Ngân hàng A (gọi tắt là V) ký Hợp đồng tín dụng số 20141211-500002-0060, với ông DHN cho ông N vay 30.450.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng. Theo thỏa thuận, ông N có nghĩa vụ thanh toán cho V 51.233.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.708.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.701.000

đồng; việc thanh toán được thực hiện vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 12/01/2015. Thực hiện hợp đồng, ông N đã nhận đủ số tiền đã vay và thanh toán cho V 04 kỳ với số tiền 6.832.000 đồng. Kể từ ngày 23/4/2015 cho đến nay, ông N không thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho V. Do vậy, V khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán cho V 43.519.527 đồng, trong đó nợ tới hạn là 35.868.000 đồng, nợ gốc chưa đến hạn là 7.651.527 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 06/12/2014.

Bị đơn ông DHN đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N thanh toán cho V 38.519.727 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: V khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán cho V 38.519.727 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho ông N vay nên yêu cầu khởi kiện của V là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông DHN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 24/3/2017, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của ông N thể hiện ông N vẫn còn hộ khẩu và sinh sống tại địa chỉ ấp 4, xã V T, thị xã T U, tỉnh B D. Việc ông N không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình tại Tòa án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông N.

[2]. Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện, ngày 06/12/2014 giữa V và ông DHN có ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Theo đó, V cho ông N vay 30.000.000 đồng; lãi suất tối đa 3,75%/tháng, tối thiểu là 2,5%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 30 tháng. Ngày 12/12/2014, V phê duyệt đề nghị

vay vốn của ông N với nội dung cụ thể: Cho ông N vay 30.450.000 đồng bao gồm 29.000.000 đồng tiền vay và 1.450.000 đồng tiền phí bảo hiểm, lãi suất 45%/năm, thời hạn cho vay 30 tháng, mỗi tháng thanh toán 1.708.000 đồng. Kể từ ngày V phê duyệt đề nghị vay vốn của ông N, không có tài liệu nào thể hiện V đã giao tiền vay cho ông N. Tại phiên toà, đại diện V xác định đã giao tiền cho ông N nhưng tài liệu liên quan đến giao tiền đã bị mất nên không thể cung cấp cho Toà án.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng chỉ là Hợp đồng nguyên tắc, đó là cam kết về hạn mức và các điều khoản tín dụng liên quan đến hạn mức nhưng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng chưa xác lập nhận nợ tại tổ chức tín dụng, khách hàng chỉ thực sự nhận nợ tại tổ chức tín dụng khi ký giấy nhận nợ hoặc khế ước nhận nợ.

Đại diện V còn cho rằng ông N đã thanh toán 6.832.000 đồng cho V nhưng đại diện V cũng không cung cấp được truy suất về thông tin giao dịch thẻ của ông N và cũng không cung cấp chứng từ thể hiển việc ông N trả tiền cho V. Ngày 05/4/2017, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 18/2017/QĐ-CCTLCC để yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng cứ thể hiện Ngân hàng đã giải ngân cho ông N vay 30.450.000 đồng nhưng nguyên đơn vẫn không cung cấp được. Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay*". Các tài liệu nguyên đơn cung cấp không có cơ sở cho rằng V với ông N có việc cho vay tài sản.

Như vậy, tuy giữa ông N và V có tồn tại hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 12/12/2014 V mới phê duyệt đề nghị vay vốn của ông N. Từ ngày 12/12/2014 đến nay, không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc Vp Bank đã giải ngân cho ông N vay 30.450.000 đồng.

Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*". Do đó, việc V khởi kiện ông N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V về việc yêu cầu ông N thanh toán 38.519.727 đồng

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (V) về việc yêu cầu ông DHN thanh toán 38.519.727 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng A (V) phải nộp 1.926.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng), được khấu trừ 1.088.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013201 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, Ngân hàng A (V) còn phải nộp 838.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bích Huế